

Bản án số 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 11 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Pháy
2. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Tuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLST- HNGĐ ngày 24/8/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ 17 phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2020, bản tự khai ngày 24/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Tiến L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2012 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 11/2017, trong thời gian

sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến L tại bản tự khai ngày 04/9/2020 anh xác nhận đúng là anh và chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Cuối năm 2017 chị Nguyễn Thị Lan A đã tự sống ly thân với anh và chặn hết liên lạc với anh, từ đó đến nay hai bên không quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị Lan A khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn xảy ra không quá trầm trọng vẫn có thể khắc phục được nên anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Tiến L đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/02/2013, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng với chị Nguyễn Thị Lan A. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Tiến L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Nguyễn Tiến L không đồng ý ly hôn, nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Tuy nhiên anh có ý kiến nếu chị Lan A cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị Lan A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Tiến L đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 25/8/2020 cháu Nguyễn Thị Thùy L có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn gia đình, thu nhập cá nhân. Bị đơn đã cung cấp chứng cứ chứng minh về nhân thân, Tòa án đã thông báo yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của bản thân nhưng bị đơn không cung cấp.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Nguyễn Tiến L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh L vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lan A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Tiến L (địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Tiến L là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2017, chị Lan A đã cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình theo lời trình bày của chị là đúng sự thật, anh L cũng thừa nhận anh chị có mâu thuẫn cãi nhau và chị Lan A tự sống ly thân với anh từ cuối năm 2017, khi sống ly thân chị chặn hết liên lạc với anh nên hai bên không còn trò chuyện với nhau. Nay chị Lan A xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì theo anh tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được. Tuy nhiên anh không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và cũng vắng mặt tại phiên họp công khai kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Tiến L đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Lan A ly hôn anh Nguyễn Tiến L.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/02/2013 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với chị Lan A. Tại phiên tòa chị Lan A vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị Lan A, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thị Thùy L hiện đang ở cùng chị Lan A. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Lan A đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh chị đang làm kế toán thuế tại công ty TNHH du lịch và thương mại sông hồng tại phường N, quận T, thành phố Hà Nội và có mức lương chính là 4.880.000 đồng/tháng; Anh L không cung cấp chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Nguyễn Thị Thùy L, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu và nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Thùy L cho chị Nguyễn Thị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Nguyễn Thị Lan A không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Tiến L không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Lan A ly hôn anh Nguyễn Tiến L

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002561 ngày 24/8/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã Bản Cầm;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng